

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/10/2019.

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khóa;**

2. Bà **Dương Thị Kim H.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119^A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 21/8/1993.

Địa chỉ cư trú: Xóm 5, thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Anh **Triệu Văn H**, sinh ngày 27/3/1987.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm 5, thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

3. Người làm chứng: Ông **Triệu Văn T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm 5 thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 23/11/2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 06/4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chỉ chơi bời không tu trí làm ăn, hai vợ chồng thường xuyên tranh cãi, xô xát, cuộc sống trải qua nhiều áp lực tinh thần. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2016 đến nay. Năm 2017 anh H đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không liên lạc với nhau, anh H cũng không về thăm gia đình. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Triệu Gia B sinh ngày 15/9/2013, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Triệu Văn T là bố đẻ của anh Triệu Văn H trình bày: Anh H và chị H tự nguyện kết hôn với nhau và chung sống hạnh phúc. Ông cũng không rõ mâu thuẫn giữa anh H và chị H nhưng khoảng năm 2016 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau đó anh H đi lao động tại Đài Loan đến nay không về. Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở Đài Loan nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với anh H. Ông đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh H biết. Thông qua ông T, anh H có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là Triệu Gia B sinh ngày 15/9/2013, hiện đang ở với chị H, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh H cũng đồng ý. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh H không thể cung cấp địa chỉ cụ thể nên đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản thông qua ông T và ông T đồng ý nhận thay để thông báo cho anh H. Ngoài ra anh H không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H, anh Triệu Văn H, ông Triệu Văn T đều vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng nhưng thời hạn xét xử chưa đảm bảo To quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Do việc xét xử không đúng thời hạn quy định nên Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Triệu Văn H là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông T là bố đẻ của anh H cung cấp gia đình không biết địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Tuy nhiên ông vẫn liên lạc được với anh H nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh H. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng To đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng 02 lần To đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H và anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn H kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị H và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng nguyên nhân do anh H chỉ lo chơi bời, không tu chí làm kinh tế. Khoảng năm 2017 anh H đi lao động ở Đài Loan đến nay không về, vợ chồng ly thân từ đó đến nay và cũng không liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhiều năm không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Từ khi anh H đi lao động tại Đài Loan, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H hiện có việc làm, chỗ ở ổn định, có thu nhập hàng tháng đảm B được cuộc sống cho con chung. Mặt khác, hiện anh H đang ở Đài Loan nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là Triệu Gia B sinh ngày 15/9/2013 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xét. Mặt khác, anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh H có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn To quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Triệu Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Triệu Gia B sinh ngày 15/9/2013 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Triệu Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng chị H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương To biên lai thu số AA/2017/0008273 ngày 26 tháng 7 năm 2019. Chị H đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Triệu Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ To quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA Dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích